

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ TTES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ TTES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTES INVESTMENT CONSULTANCY  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TTES.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107869184

**3. Ngày thành lập:** 01/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21 ngõ 87 phố Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981173368

Fax:

Email: [ttes.jsc@ttescotec.vn](mailto:ttes.jsc@ttescotec.vn)

Website: [ttescotec.vn](http://ttescotec.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100     |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4220     |
| 3.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322     |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. | 4663     |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321     |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4290        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.<br>- Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy                                                                                                                                          | 4329        |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5610        |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống<br>- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện<br>- Điều tra địa vật lý , địa chấn, động đất;<br>Hoạt động điều tra địa chất<br>- Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; | 7110(Chính) |
| 15. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7120        |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7730        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</p> <p>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br/>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br/>- Các công việc dưới bề mặt;<br/>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br/>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;<br/>- Thuê cần trục có người điều khiển.</p> | 4390 |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÔN VĂN TIỆP    | Xóm 5, thôn 2, Xã Phương Cách, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 60,000    | 017252338                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
| 2   | KHUẤT DUY HƯỞNG | Cụm 6, Xã Phúc Hòa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 20,000    | 017146296                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | KHUẤT DUY TUẤN  | Cụm 6, Xã Phúc Hòa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 20,000    | 0010910019<br>71                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÔN VĂN TIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017252338

Ngày cấp: 22/12/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn 2, Xã Phụng Cách, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 21 ngõ 87 phố Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội